

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Quốc Tuấn

2. Địa chỉ trụ sở chính và các hoạt động khác:

- Địa chỉ: Thôn Đông Nham 1- Quốc Tuấn – An Lão – Hải Phòng
- Website: thcsquoctuan@anlao.edu.vn
- Thư điện tử: http://thcsquoctuan@anlao.edu.vn

3. Loại hình: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

- Sứ mạng

Tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn; giúp cho mỗi học sinh đều có điều kiện tốt để phát triển năng lực cá nhân, hoàn thiện bản thân.

- Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành một trong những đơn vị giáo dục có chất lượng tốt của huyện An Lão, là nơi giáo viên và học sinh có môi trường làm việc và học tập tốt.

- Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Huy động nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các điều kiện cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II, đáp ứng tốt yêu cầu chương trình GDPT 2028.

- Xây dựng nhà trường theo mô hình giáo dục hiện đại, phù hợp với điều kiện của địa phương và xu thế phát triển của đất nước.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS Quốc Tuấn tiền thân là trường Phổ thông nông nghiệp Quốc Tuấn được thành lập từ năm 1960. Đến năm 1992 trường được tách ra theo Quyết định số 243/QĐ- UB ngày 02 tháng 11 năm 1992 của Chủ tịch UBND huyện An Lão và mang tên trường THCS Quốc Tuấn từ đó. Trường nằm trên địa bàn xã Quốc Tuấn- Huyện An Lão- Thành phố Hải Phòng. Trường có tổng diện tích 9720 m², có 03 dãy nhà 2 tầng với 16 phòng học, 18 phòng chức năng. Sau 30 năm phấn đấu và trưởng thành, Trường THCS Quốc Tuấn liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc. Được sự quan tâm của các cấp các ngành, phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương, cơ sở vật chất nhà trường ngày càng khang trang, đầy đủ, cảnh quan nhà trường ngày càng Xanh - Sạch - Đẹp; các em học sinh được học tập trong sự chăm lo của gia đình, nhà trường và xã hội, các thầy cô giáo không ngừng phấn đấu vươn lên, đưa chất lượng giáo dục

ngày càng khởi sắc, ổn định và bền vững. Đặc biệt tháng 9/ 2010 nhà trường được Chủ tịch UBND Thành phố cấp bằng công nhận “Trường đạt chuẩn Quốc gia” theo Quyết định số 1908/QĐ- UBND của UBND thành phố Hải Phòng; vào tháng 8 năm 2013 nhà trường được Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo cấp bằng công nhận Trường đạt chuẩn “Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ tên: Bùi Thị Minh Nguyệt
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Trường THCS Quốc Tuấn - Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng
- SĐT: 0904733873
- Email: minhnguyet1976alhp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Trường Trung học cơ sở Quốc Tuấn được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ-UB ngày 03/ 11/ 1992 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão.

Quyết định công nhận hội đồng trường số 3252/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc Kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021-2025.

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 1723/QĐ-UBND ngày 09/06/2021 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng số 3577/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

Quyết định số 5902/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện An Lão về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021-2025.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà: Bùi Thị Minh Nguyệt	Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng
2	Ông: Đỗ Lê Dương	Phó bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng
3	Ông: Nguyễn Đăng Toàn	Chủ tịch công đoàn
4	Ông: Vũ Hồng Đức	Bí thư Đoàn thanh niên, Giáo viên
5	Ông: Đặng Văn Chính	Tổ trưởng tổ KHTN
6	Bà: Lê Thị Tân	Tổ trưởng tổ KHXXH
7	Bà: Ninh Thị Sen	Giáo viên
8	Bà: Giang Thị Bình	Kế toán
9	Ông: Phạm Quang Quỳnh	Phó chủ tịch UBND xã Quốc Tuấn
10	Ông: Phạm Văn Luyện	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh
11	Em: Phạm Bảo Duy	Học sinh lớp 7A

- **Quyết định điều động Hiệu trưởng:** -Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện An Lão về việc điều động các bộ quản lý.

- **Quyết định điều động Phó Hiệu trưởng:** -Quyết định số 2492/QĐ-UBND Ngày 26 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện An Lão về việc điều động các bộ quản lý.

- Bộ máy quản lý của trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng
2	Ông Đỗ Lê Dương	Phó bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng
3	Ông Nguyễn Đăng Toàn	Chủ tịch công đoàn
4	Bà Vũ Thị Hoan	Chi Ủy viên, Phó tổ trưởng tổ KHXH
5	Bà Lê Thị Tân	Tổ trưởng tổ KHXH
6	Ông Đặng Văn Chính	Tổ trưởng tổ KHTN
7	Bà Vũ Phương Hà	Tổ trưởng Tổ Văn phòng
8	Bà Nguyễn Thị Phương	Phó tổ trưởng tổ KHTN
9	Bà Đồng Thị Thu Hiền	Giáo viên, Tổng phụ trách Đội
10	Ông Vũ Hồng Đức	Bí thư Đoàn thanh niên, Giáo viên
11	Ông Phạm Văn Luyện	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh
12	Em Phạm Thị Thái Hà	Học sinh lớp 9E, Liên đội trưởng.

- Hiệu Trưởng: Bùi Thị Minh Nguyệt, SĐT- 0904733873,

Email: minhnguyet1976alhp@gmail.com

- Phó Hiệu trưởng: Đỗ Lê Dương, SĐT - 0982162919,

Email: doleduong@gmail.com

8. Các văn bản khác:

- Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 -2026 tầm nhìn đến năm 2030.
- Quy chế dân chủ ở cơ sở trường THCS Quốc Tuấn từ năm học 2024-2025.
- Nghị quyết Hội đồng trường năm học 2024-2025.
- Nội quy trường THCS Quốc Tuấn năm học 2024-2025.
- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Quyết toán năm học 2023-2024	Kế hoạch thu chi năm học 2024-2025	Dự toán năm học 2025-2026
1	2	3	4	5
I.01	Các khoản thu theo quy định			
1	Học phí			
1.1	Số dư năm trước chuyển sang			
1.2	Mức hỗ trợ: 62.000 đ/tháng/HS	62.000 đ/tháng/ học sinh	62.000 đ/tháng/ học sinh	62.000 đ/tháng/ học sinh
1.3	Tổng số hỗ trợ trong năm	422.530.000	422.282.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
1.5	Số chi trong năm	422.530.000	422.282.000	
	Trong đó:			
	Tạo nguồn cải cách tiền lương	422.530.000	422.282.000	
1.6	Số dư cuối năm	0	0	

2	Bảo hiểm y tế học sinh			
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0		
2.2	Mức thu	680.400đ/HS	884.520đ/HS	884.520đ/HS
2.3	Tổng số thu trong năm	499.413.600đ	663.390.000đ	
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	499.413.600đ	663.390.000đ	
2.5	Số chi trong năm cho BHXH huyện An Lão	499.413.600đ	663.390.000đ	
2.6	Số dư cuối năm	0	0	
3	Quỹ vòng tay bè bạn			
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.664.600đ	0	
3.2	Mức thu: thu giấy vụn của HS		Thu giấy vụn, phế liệu của học sinh	Thu giấy vụn, phế liệu của học sinh
3.3	Tổng số thu trong năm	28.080.000đ		
3.4	Số chi trong năm			
	Chi nộp huyện Đoàn	6.993.000đ	25% tổng thu	25% tổng thu
	Chi chuyên đề đội, hoạt động đội	22.751.600đ	75% tổng thu	75% tổng thu
3.5	Số dư cuối năm	0	0	
I.02	Khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Theo NQ 02/NQ- HĐND)			
1	Môn học liên kết			
1.1	Kỹ năng sống			
1.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	24.644.851đ	0	
1.1.2	Mức thu: 40.000 đ/HS/tháng	40.000 đ/HS/tháng	40.000 đ/HS/tháng	40.000 đ/HS/tháng
1.1.3	Tổng số thu trong năm	176.820.000đ		
1.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	201.464.851đ		
1.1.6	Số chi trong năm			
	Nộp về trung tâm tiền học phí 73%	129.078.600đ	Nộp về Trung tâm 73% tiền học phí	Nộp về Trung tâm 73% tiền học phí
	Nộp thuế 0,54%	954.828đ	Nộp thuế 0.54%HP	Nộp thuế 0.54%HP
	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên 15%	26.523.000đ	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (15%)	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (15%)
	Chi phúc lợi cơ quan 5%	19.852.021đ	- Chi phúc lợi cơ quan (5%HP)	- Chi phúc lợi cơ quan (5%HP)

	Chi mua sắm, sửa chữa CSVC 6,46%	17.209.479đ	- Chi mua sắm, sửa chữa CVC (6.46%HP)	- Chi mua sắm, sửa chữa CVC (6.46%HP)
1.1.7	Số dư cuối năm	7.846.923đ		
1.2	Tiếng Anh người nước ngoài			
1.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	17.696.417đ	0	
1.2.2	Mức thu	140.000 đ/hs/tháng	140.000 đ/hs/tháng	140.000 đ/hs/tháng
1.2.3	Tổng số thu trong năm	537.600.000đ		
1.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	555.296.417đ		
1.2.6	Số chi trong năm			
	Nộp về công ty tiền học phí 80%	430.080.000	Nộp về công ty 80% tiền học phí	Nộp về công ty 80% tiền học phí
	Nộp thuế 0,4%	2.150.400đ	Nộp thuế 0.4%HP	Nộp thuế 0.4%HP
	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên 12,5%	67.200.000đ	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (12,5%HP)	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (12,5%HP)
	Chi phúc lợi cơ quan 3,5%	25.103.240	- Chi phúc lợi cơ quan (3,5%HP)	- Chi phúc lợi cơ quan (3,5%HP)
	Chi mua sắm, sửa chữa CSVC 3,6%		- Chi mua sắm, sửa chữa CVC (3,6%)	- Chi mua sắm, sửa chữa CVC (3,6%)
1.2.7	Số dư cuối năm	30.762.777		
2.	Học thêm và ôn thi vào 10			
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	5.132.945đ		
2.2	Mức thu:	290.000 đ/HS/tháng- học thêm	290.000 đ/HS/tháng- học thêm	Mức thu: 290.000 đ/HS/tháng- học thêm
2.3	Tổng số thu trong năm	1.621.970.000 đ		
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.627.102.945 đ		
2.6	Số chi trong năm			
	Chi nộp thuế 2%	32.439.400đ	Chi nộp thuế 2%	Chi nộp thuế 2%

	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên 86%	1.366.996.316 đ	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (86% sau thuế)	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (86% sau thuế)
	Chi CSVC 9%	100.349.000đ	Chi CSVC (9% sau thuế)	Chi CSVC (9% sau thuế)
	Chi phúc lợi cơ quan 5%	79.804.965đ	Chi phúc lợi cơ quan 5% sau thuế	Chi phúc lợi cơ quan 5% sau thuế
2.7	Số dư cuối năm	47.513.264đ		
3.	Trông coi xe			
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0	
3.2	Mức thu	(Xe đạp thường: 20.000 đồng/HS/tháng, xe đạp điện: 30.000 đ/HS/tháng)	(Xe đạp thường: 20.000 đồng/HS/tháng, xe đạp điện: 30.000 đ/HS/tháng)	(Xe đạp thường: 20.000 đồng/HS/tháng, xe đạp điện: 30.000 đ/HS/tháng)
3.3	Tổng số thu trong năm	110.478.000đ		
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	110.478.000đ		
3.6	Số chi trong năm			
	Nộp thuế 10%	11.047.800đ	- Nộp thuế (10% Tổng thu)	- Nộp thuế (10% Tổng thu)
	Trả lương người trông xe 70%	77.334.600đ	- Trả công người trông xe (70%)	- Trả công người trông xe (70%)
	Chi cơ sở vật chất 20%	22.095.600đ	- Chi cơ sở vật chất (20%)	- Chi cơ sở vật chất (20%)
3.7	Số dư cuối năm	22.095.600đ		
4.	Nước uống học sinh			
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	0		
4.2	Mức thu: 77.000đ/năm	(Học kỳ 1: 35.000 đ/HS; Học kỳ 2: 42.000 đ/HS)	(Học kỳ 1: 35.000 đ/HS; Học kỳ 2: 42.000 đ/HS)	(Học kỳ 1: 35.000 đ/HS; Học kỳ 2: 42.000 đ/HS)
4.3	Tổng số thu trong năm	53.081.000đ		
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	53.081.000đ		

4.6	Số chi trong năm			
	Trong đó: - Chi trả tiền nước theo hợp đồng	53.081.000đ		
4.7	Số dư cuối năm	0		
I.03	Tài trợ			
	- Số tiền vận động tài trợ		Dự kiến vận động tài trợ vào học kỳ 2	
	- Chi			
	- Số dư cuối năm	0		
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.174.016.396	5.308.996.895	
1	Chi quản lý hành chính	7.174.016.396	5.308.996.895	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.596.071.196	5.005.077.495	
	Chi tiền lương và thu nhập	6.007.046.796	4.743.231.140	
	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	505.991.500	245.121.755	
	Chi hỗ trợ người học, thi đua khen thưởng	78.079.000	15.300.000	
	Chi khác	4.953.900	1.424.600	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	577.945.200	303.919.400	
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên	402.628.000	231.477.000	
	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	172.250.000	71.600	
	Chi khác	3.067.200	842.400	

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1.Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

- BGH: 02 (Thạc sĩ 01, Đại học 01), 100% hoàn thành bồi dưỡng theo quy định.
- Giáo viên: 30 (Thạc sĩ 01; Đại học 27; Cao đẳng 02), 100% hoàn thành bồi dưỡng theo quy định.
- Nhân viên: 05 (Đại học 03;), 100% hoàn thành bồi dưỡng theo quy định.

2.Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

- Diện tích đất: 9720 m2, bình quân 12.8 m2/học sinh, so với yêu cầu tối thiểu toàn trường thiếu 0 m2. Có 1 điểm trường.
- Khối hành chính quản trị có 5 phòng (04 phòng làm việc và 01 Hội trường), thiếu 01 phòng.
- Khối phòng học tập có 21 phòng. Còn thiếu 07 phòng (04 phòng học, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng bộ môn KHXH, 01 phòng đa chức năng).
- Khối phòng hỗ trợ học tập 03 phòng. Còn thiếu 03 phòng (01 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng TVHD và HTHSKT học hòa nhập, 01 phòng Đảng – Đoàn thể)
- Khối phòng phụ trợ: có 03 phòng, còn thiếu 04 phòng (01 phòng các tổ chuyên môn, 01 phòng y tế trường học, 01 nhà kho, 01 phòng nghỉ giáo viên)
- Số thiết bị dạy học hiện có 01 bộ/ khối, còn thiếu 04 bộ/ khối.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được phê duyệt:

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Đơn vị tổ chức
1	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
2	Ngữ văn	Cánh diều	Nguyễn Minh Thuyết	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
3	Tiếng Anh	Global Success	Hoàng Văn Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục Công dân	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
5	Khoa học tự nhiên	Cánh diều	Đình Quang Báo	Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam(VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
6	Lịch sử và Địa lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
8	Công nghệ - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà	Cánh diều	Nguyễn Trọng Khanh	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nain (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
	Công nghệ - Định hướng nghề nghiệp	Cánh diều	Nguyễn Trọng Khanh	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nain (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
9	Âm nhạc	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiền	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nain (VEPIC)

				(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
10	Mỹ thuật	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
11	Giáo dục thể chất	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

-Kết quả tự đánh giá: đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2010, kiểm định chất lượng mức độ 3 năm 2012. Trường đã xây dựng kế hoạch công nhận lại chuẩn và kiểm định chất lượng mức độ 1 vào năm 2024.

4. Chương trình dạy học liên kết, bổ trợ

Căn cứ điều kiện về cơ sở vật chất nhà trường, nhu cầu được tham gia học kỹ năng sống, Tiếng Anh NNN của học sinh, tự nguyện đăng kí của cha mẹ học sinh; hồ sơ pháp lí hiện hành của Trung tâm phát triển kỹ năng Smile thuộc Công ty CP Phát triển Kỹ năng Quốc tế và Trung tâm Ngoại ngữ CET English. Trường THCS Quốc Tuấn đã xây dựng kế hoạch liên kết dạy học kỹ năng sống, Tiếng Anh NNN cho học sinh năm học 2024-2025 như sau: Dạy kỹ năng sống với Trung tâm phát triển kỹ năng Smile thuộc Công ty CP Phát triển Kỹ năng Quốc tế. Dạy tiếng Anh người nước ngoài với Trung tâm Ngoại ngữ CET English.

-Về Kỹ năng sống: Trang bị cho HS những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho HS những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày. Tạo cơ hội thuận lợi để HS thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình; phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

-Về Tiếng Anh người nước ngoài: Chương trình giáo dục phù hợp với học sinh THCS theo định hướng mục tiêu qui định tại các văn bản chỉ đạo, giáo dục tăng cường rèn luyện cho học sinh các kỹ năng: nghe, nói, các hoạt động thực hành, trải nghiệm bằng Tiếng Anh.

-Học sinh khối 6,7,8 theo đăng ký của phụ huynh học sinh với tinh thần tự nguyện, cụ thể:

Dự kiến số lớp, số học sinh tham gia năm học 2024-2025:

Khối	Số lớp	Số HS
6	4	179
7	5	203
8	5	109
Tổng	14	561

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1 Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025

Hình thức, chỉ tiêu tuyển sinh

- Việc tuyển sinh học sinh lớp 6 được thực hiện bằng hình thức xét tuyển. Phụ huynh đăng ký tuyển sinh trực tuyến và nộp hồ sơ trực tiếp.

- Tuyển 189 học sinh đúng tuyển. Học sinh trái tuyển: 02

Thời gian tuyển sinh: Đăng ký trực tuyến

- Phụ huynh đăng ký trực tuyến tại Hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại <https://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn> (đăng ký thử nghiệm từ 10/6-24/6/2024; đăng ký chính thức từ ngày 08/7/2024- 20/7/2024).

Nhận hồ sơ trực tiếp

- Từ ngày 24/7/2024 đến hết ngày 25/07/2024 thu nhận hồ sơ trực tiếp và hỗ trợ CMHS đăng ký trực tuyến.

Đối tượng và điều kiện xét tuyển

+ Đối tượng

- Học sinh 11 tuổi (sinh từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2012), các trường hợp khác áp dụng theo Điều 33- Thông tư số 32/2010/TT- BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học năm 2024.

+ Điều kiện

Hồ sơ dự tuyển

- Đơn xin nhập học vào lớp 6 (in trong phần mềm tuyển sinh).

- Bản chính học bạ Tiểu học.

- 02 ảnh 4x6.

- 01 Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (bản chính photo công chứng).

Về địa bàn tuyển sinh

- Học sinh đang cư trú và có hộ khẩu thường trú tại xã Quốc Tuấn.

1.2 Kế hoạch giáo dục: Kế hoạch giáo dục nhà trường số 15/KH-THCSQT ngày 30/8/2024 của trường THCS Quốc Tuấn.

1.3 Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục đối với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh năm học 2024-2025.

1.4 Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động tập thể vào các dịp: khai giảng, tổng kết năm học, kỷ niệm ngày lễ lớn 20/11, 22/12, 8/3, 26/3, 19/5...

- Tổ chức 1-2 hoạt động trải nghiệm lớn trong năm học.

2. Kết quả giáo dục năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	757	213	181	190	173
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng	735	206	174	182	173

	số)	(97.1%)	(96.7%)	(96.1%)	(95.8%)	(100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	21 (2.8%)	6 (2.8%)	7 (3.9%)	8 (4.2%)	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (2.3%)	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	757	213	181	190	173
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	345 (45.6%)	90 (42.3%)	77 (42.5%)	93 (49%)	85 (49.1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	294 (38.8%)	87 (40.9%)	79 (43.7%)	71 (37.4%)	57 (32.9%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	117 (15.5%)	35 (16.4%)	25 (13.8%)	26 (13.7%)	31 (17.9%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (0.5%)	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	756 (99.8%)	212 (99.5%)	181 (100%)	190 (100%)	173 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	68 (8.9%)	26 (12.2%)	21 (11.6%)	21 (11.0%)	0
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	299 (39.5%)	86 (40.4%)	56 (30.9%)	72 (37.9%)	85 (49.7%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	57 (7.5%)	0	0	0	57 (33.3%)

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (0.4%)	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (0.4%)	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	20 (2.9%)	3 (1.6%)	6 (3.1%)	7 (4.0%)	4 (2.7%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	5	0	1	1	3
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	4	0	0	1	3
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp Khối 9	173	0	0	0	173
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	173	0	0	0	173
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	85 (49.1%)	0	0	0	85 (49.1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	57 (32.9%)	0	0	0	57 (32.9%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	31 (17.9%)	0	0	0	31 (17.9%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài					

	công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	403/354	111/102	100/81	99/91	93/80
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	1	0	0	1	0

3. Kết quả thi đua toàn trường năm học 2023-2024

- Trường : xếp thứ 5/16 trường, đạt tập thể lao động Xuất sắc.
- 01 đồng chí được đề nghị Bộ GD tặng Bằng khen
- 01 đồng chí được đề nghị CSTĐ cấp thành phố.
- 02 đ/c được tặng bằng khen của CTUBND TP.
- 05 đ/c đạt CSTĐ cấp cơ sở, 37 đ/c đạt lao động Tiên Tiến.
- Các tổ chức: Liên Đội, Công Đoàn đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT An Lão ;
- ĐU, HĐND, UBND xã Quốc Tuấn ;
- BGH trường;
- Đoàn thể xã Quốc Tuấn;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Minh Nguyệt